

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA**

## **GIÁO TRÌNH**

**MÔN HỌC: PHÁP LUẬT NGÂN HÀNG  
NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP  
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2020*

**Sơn La, năm 2020**

## **TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

## **LỜI GIỚI THIỆU**

*Giáo trình Pháp luật ngân hàng được xây dựng dựa vào chương trình môn học, do tổ Tài chính và quản trị kinh doanh phụ trách giảng dạy. Là môn chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành Kế toán doanh nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng.*

*Trân trọng cảm ơn các đồng nghiệp đã tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình biên soạn để tôi hoàn thiện giáo trình này.*

Sơn La, năm 2020

Chủ biên: Đoàn Thu Hà

# GIÁO TRÌNH MÔN HỌC/MÔ ĐUN

**Tên môn học: Pháp luật ngân hàng**

**Mã môn học: MH**

## **I. Vị trí, tính chất của môn học:**

- Vị trí: Môn học pháp luật ngân hàng thuộc nhóm các môn học chuyên ngành được bố trí giảng dạy sau khi đã học xong các môn học cơ sở.

- Tính chất: Môn học pháp luật ngân hàng cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật ngành ngân hàng.

## **II. Mục tiêu môn học:**

### **- Về kiến thức:**

+ Mô tả được nội dung về vấn đề lý luận cơ bản về ngân hàng và luật ngân hàng

+ Mô tả được nội dung vai trò của Nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng

+ Giải thích được địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước Việt Nam

+ Giải thích được nội dung hệ thống tổ chức lãnh đạo và điều hành ngân hàng nhà nước, các hoạt động của ngân hàng nhà nước

+ Mô tả được địa vị pháp lý của tổ chức tín dụng, pháp luật điều chỉnh về hoạt động tín dụng, các chế độ dịch vụ thanh toán

### **- Về kỹ năng:**

+ Phân tích được vai trò của ngân hàng trong nền kinh tế thị trường hiện nay

+ Phân biệt được luật tài chính và luật ngân hàng

+ Xác định được vị trí pháp lý của ngân hàng Trung ương Việt Nam

+ Phân biệt loại hình kinh doanh ngân hàng với các loại hình kinh doanh khác trong nền kinh tế thị trường

+ Lựa chọn hình thức huy động vốn của tổ chức tín dụng có hiệu quả

+ Đề xuất hình thức đảm bảo vay vốn tại ngân hàng là tối ưu nhất

+ Phân biệt séc, hối phiếu và lệnh phiếu

+ Phân tích vấn đề hiệu lực của tài khoản và hậu quả pháp lý của việc đóng tài khoản

### **- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm::**

+ Nghiêm túc, cẩn thận, trung thực khi nghiên cứu

+ Có ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn

+ Tuân thủ các luật và chế độ tài chính mà nghề học đòi hỏi

## **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGÂN HÀNG VÀ LUẬT NGÂN HÀNG**

### **I. Khái niệm hoạt động Ngân hàng và cấu trúc hệ thống Ngân hàng, tổ chức tín dụng**

#### **1. Khái niệm hoạt động Ngân hàng.**

Thời kỳ sản xuất hàng hoá phát triển làm xuất hiện sự trao đổi hàng hoá giản đơn. Cùng với sự xuất hiện của nền kinh tế hàng hoá và sự trao đổi sản phẩm làm ra đã làm xuất hiện vật ngang giá chung để trao đổi. Trên cơ sở đó, đồng tiền xuất hiện thích ứng với quan hệ mua bán trao đổi hàng hoá dịch vụ.

Quan hệ trao đổi hàng hoá phát triển làm xuất hiện tầng lớp thương nhân mới làm nghề đổi tiền để đáp ứng nhu cầu. Sau đó, các tầng lớp này làm thêm dịch vụ nhận tiền gửi và cho vay. Dần dần phát triển thành nghề kinh doanh và gọi làm nghề Ngân hàng. Hoạt động ban đầu này mang hình thức như "tiệm cầm đồ". Bao gồm các hoạt động cơ bản sau:

- + Thanh toán bù trừ chuyển lẫn nhau thông qua việc mua bán cùng Ngân hàng.
- + Nghiệp vụ chuyển ngân tức chuyển từ nơi này đi nơi khác.
- + Ngân hàng thực hiện bảo lãnh chiếc khấu.

Giai đoạn cho vay (cung ứng tiền)

- Ngân hàng tạo ra tiền các chứng thư do Ngân hàng phát hành như séc ngày nay.
- 1609 - 1694 các Ngân hàng đều có quyền tạo ra các giấy bạc, gây cản trở cho lưu thông và phát triển kinh tế, Nhà nước can thiệp vào hoạt động Ngân hàng để hạn chế việc phát hành.

Các Ngân hàng ngày càng phát triển và đa dạng về nghiệp vụ kinh doanh. Nhiều loại chủ thể hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng, Ngân hàng TW, Ngân hàng TM, Ngân hàng chính sách, Tổ chức tín dụng phi Ngân hàng....

Ở nhiều nước không đưa ra một định nghĩa tổng quát về hoạt động Ngân hàng mà liệt kê các hoạt động được coi là hoạt động Ngân hàng.

**Ví dụ:** Theo đạo luật về ngành tín dụng của CHLB Đức 1992, Luật Ba Lan 1989. Luật tổ chức tài chính và Ngân hàng của Malaysia 1989... liệt kê các hoạt động Ngân hàng như:

- Huy động tiền gửi Ngân hàng.
- Cấp tín dụng.
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán...

Việt Nam, theo điều 9 Luật Ngân hàng và điều 20 khoản 7 luật TCDN (12.12.1997) "Hoạt động Ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ Ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, và sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán".

\* Đối tượng kinh doanh của Ngân hàng là tiền tệ.

+ Nội dung kinh doanh chủ yếu của hoạt động Ngân hàng là nhận tiền gửi, cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán

**2. Cấu trúc hệ thống NH, TCTD: Là bộ phận bên trong hợp thành. Ngày này phổ biến ở các quốc gia gồm:**

**a. Ngân hàng Trung ương:**

- Với tư cách là cơ quan phát hành tiền duy nhất của một quốc gia. Ngân hàng Trung ương có vai trò rất lớn đối với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Trên thế giới mô hình tài chính của Ngân hàng Trung ương có 2 loại: Ngân hàng Trung ương thuộc sở hữu Nhà nước: Nhật Bản, Trung Quốc, Việt Nam và Ngân hàng Trung ương thành lập dưới dạng CTCP: Mỹ, Hungary.

+ Ngân hàng Trung ương không thuộc chính phủ (Đức, Mỹ: gọi là cục dự trữ Liên Bang.

+ Ngân hàng Trung ương trực thuộc chính phủ: (Việt Nam, Pháp, Nga, Trung Quốc) Chính phủ có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động rất lớn của Ngân hàng Trung ương, chịu sự lãnh đạo và chi phối của chính phủ. Chức năng của Ngân hàng Trung ương:

+ Phát hành tiền, quản lý Nhà nước về tiền tệ và hoạt động Ngân hàng và là Ngân hàng của các Ngân hàng.

+ Mở và quản lý tài chính cho các Ngân hàng.

+ Cấp tín dụng cho các Ngân hàng nhằm cung ứng vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho nền kinh tế.

**Ví dụ:** Ngân hàng Công thương nợ Ngân hàng Ngoại thương 10 USD

Ngân hàng ngoại thương nợ Ngân hàng Công thương 8.000 USD Thanh toán thông qua Ngân hàng Trung ương.

Cách 1

(1)	Ghi nợ ngân hàng công thương 10.000 USD	}	thanh toán từng lần.
	Ghi có ngân hàng ngoại thương 10.000 USD		
(2)	Ghi nợ ngân hàng ngoại thương 8.000 USD	}	
	Ghi có ngân hàng công thương 8.000 USD		

Cách 2: Ca nai gửi tại ca tien vào pnhng tnann toan du trư

Ghi nợ Ngân hàng Công thương

Ghi có Ngân hàng Ngoại thương : 2.000 USD

Lúc này quan hệ giữa Ngân hàng Trung ương và các Ngân hàng khác là bình đẳng.

**b. Các tổ chức tín dụng:** Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ Ngân hàng.

- Nội dung kinh doanh chủ yếu là nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán.

- Căn cứ vào phạm vi thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, pháp luật của các nước quy định các tổ chức tín dụng gồm hai loại: TCTD là Ngân hàng và TCTD phi Ngân hàng.

+ Các tổ chức TD là Ngân hàng được phép thực hiện toàn bộ hoạt động Ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan: Ngân hàng Ngoại thương, Ngân hàng ĐT và phát triển, Ngân hàng chính sách, Ngân hàng hợp tác (HTX; Quỹ TDND).

+ Các TCTD phi Ngân hàng là loại hình TCTD chỉ được phép thực hiện một số hoạt động Ngân hàng như là nội dung kinh doanh thường xuyên nhưng không được nhận tiền

gửi không kỳ hạn, không làm dịch vụ thanh toán. Nếu nhận tiền gửi thì chỉ được nhận tài khoản từ 1 triệu trở lên.

Ví dụ: Công ty tài chính, Công ty cho thuê tài chính (có thể cho vay bằng vốn của họ)

## **II. Vai trò của Nhà nước trong lĩnh vực Ngân hàng**

### **1. Nhà nước xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia**

- Chính sách tiền tệ quốc gia có ảnh hưởng to lớn đối với quá trình và ổn định kinh tế - xã hội. Do đó việc hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia phải theo có chế độ và trật tự chặt chẽ.

Ở Việt Nam, Luật Ngân hàng 1997 quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có nhiệm vụ quyền hạn xây dựng dự án tiền tệ quốc gia để trình chính phủ xem xét trình Quốc Hội quyết định và TC thực hiện chính sách này.

- Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: "Chính sách tiền tệ quốc gia là một bộ phận của chính sách kinh tế - tài chính của Nhà nước nhằm ổn định giá trị đồng tiền, kiềm chế lạm phát, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng an ninh và nâng cao đời sống nhân dân".

### **2. Nhà nước sử dụng pháp luật làm công cụ quản lý và duy trì trật tự cho các hoạt động Ngân hàng trong nền kinh tế**

Lĩnh vực Ngân hàng là nơi tích tụ và điều hòa nhiều loại nguồn vốn là nơi thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia. Lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao và liên quan đến nhiều lợi ích của nhiều loại chủ thể trong nền kinh tế. Đảm bảo an toàn cho hoạt động Ngân hàng và phát huy vai trò tích cực đối với nền kinh tế và đời sống xã hội, đòi hỏi Nhà nước cùng đồng bộ những biện pháp trong đó có sử dụng pháp luật. Thể hiện trên các mặt:

+ Nhà nước cùng pháp luật để quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh Ngân hàng trong nền kinh tế Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp luật quy định các điều kiện hoạt động Ngân hàng; điều kiện trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD và giấy phép hoạt động Ngân hàng của các tổ chức khác quy định nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ...

+ Nhà nước cùng pháp luật làm công cụ để xây dựng hệ thống Ngân hàng, TCTD phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Chính sách của Nhà nước về xây dựng các loại hình TCTD ghi nhận ở điều 4 Luật các TCTD: 12/12/1997.

1/ Thống nhất quản lý với mọi hoạt động Ngân hàng, xây dựng các tổ chức tín dụng hiện đại, đủ sức đáp ứng đủ nhu cầu vốn và dịch vụ Ngân hàng cho nền kinh tế và dân cư, góp phần thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, đảm bảo an toàn hệ thống TCTD, bảo vệ lợi ích hành pháp của người gửi tiền.

2/ Đầu tư vốn và nguồn lực khác để phát triển các TCTD Nhà nước tạo điều kiện cho các tổ chức này giữ vai trò chủ đạo và chủ lực trên thương trường tiền tệ.

3/ Phát triển các Ngân hàng chính sách hoạt động không những mục đích lợi nhuận phục vụ nghĩa vụ và các chính sách khác nhằm thực hiện chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

4/ Bảo hộ quyền sở hữu, quyền và lợi ích hành pháp khác trong hoạt động của các TCTD hợp tác nhằm tạo điều kiện cho người lao động tương trợ nhau trong sản xuất và đời sống.

5/ Sử dụng các Ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân với chính sách ưu đãi về vốn, lãi suất và các điều kiện vay vốn.

+ Nhà nước sử dụng pháp luật làm công cụ bảo đảm an toàn cho các hoạt động kinh doanh Ngân hàng trong nền kinh tế vì hoạt động kinh doanh Ngân hàng còn tiềm ẩn những rủi ro cao: Nhà nước ban hành các quy định nhằm hạn chế và kiểm soát hoạt động kinh doanh Ngân hàng.

**Ví dụ:** Điều 79 Luật các TCTD: Tổng dư nợ cho vay đối với 1 khách hàng không vượt quá 15% vốn của TCTD trừ tổng hợp đối với các khoản cho vay từ các nguồn vốn ủy thác của chính phủ, của các tổ chức, cá nhân hay trường hợp vay là các TCTD khác.

+ Nhà nước sử dụng pháp luật làm công cụ ngăn ngừa, giải quyết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực Ngân hàng: Quy định về trình tự, thủ tục, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp... góp phần trong việc bảo vệ quyền lợi của các tổ chức, cá nhân tham gia các quan hệ xã hội trong lĩnh vực Ngân hàng trong nền kinh tế.

### **3. Nhà nước thành lập và sử dụng hệ thống Ngân hàng, TCTD Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân**

Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng TMQD, Ngân hàng đầu tư phát triển, Ngân hàng chính sách và các loại hình TCTD khác. Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao nên các Ngân hàng, TCTD Nhà nước đóng vai trò là công cụ của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách tiền tệ, tín dụng Ngân hàng của Nhà nước và giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

- Vai trò chủ đạo thể hiện: Hệ thống Ngân hàng, CTCD Nhà nước hoạt động trên tất cả các lĩnh vực Ngân hàng với quy mô hoạt động rộng nên có ảnh hưởng sâu sắc đối với nền kinh tế và có tác động chi phối đối với hoạt động Ngân hàng của các thành phần kinh tế khác.

### **4. Nhà nước kích thích sự phát triển của các hệ thống Ngân hàng, TCTD**

Nhà nước tạo môi trường kinh tế, môi trường pháp lý.

Thực hiện các tác động trực tiếp bằng chính sách thu hút đầu tư, chính sách ưu đãi thức.

## **III. Khái niệm chung về luật Ngân hàng**

### **1. Định nghĩa**

Luật Ngân hàng là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình Nhà nước tổ chức và quản lý hoạt động Ngân hàng, các quan hệ về tổ chức hoạt động của các TCTD và hoạt động Ngân hàng của các tổ chức khác.

Luật Ngân hàng điều chỉnh hai nhóm quan hệ chính:

Các quan hệ quản lý Nhà nước về Ngân hàng: Là các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình Nhà nước thực hiện hoạt động quản lý Nhà nước đối với hoạt động Ngân hàng trong nền kinh tế.

**Ví dụ:** Quan hệ cấp, thu hồi giấy phép hoạt động kinh doanh Ngân hàng.

Quan hệ thanh tra giữa Ngân hàng Nhà nước với các TCTD.

Phương pháp hoạt động mang tính mệnh lệnh phục tùng.

Các quan hệ tổ chức và kinh doanh Ngân hàng là các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động kinh doanh Ngân hàng của các TCTD và hoạt động Ngân hàng của các tổ chức khác.

+ Quan hệ kinh doanh Nhà nước của các tổ chức không phải là TCTD không những được Nhà nước cho phép thực hiện một số hoạt động kinh doanh Ngân hàng.

## 2. Nguồn của luật Ngân hàng

- Là những văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành hay phê chuẩn theo hình thức, trình tự, thủ tục luật định có chứa các quy phạm pháp luật Ngân hàng.

Hiến pháp 1992

Các đạo luật có quy phạm pháp luật về Ngân hàng như Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, luật các TCTD, BL DS, Luật thương mại

...

Các văn bản dưới luật có chứa các quy phạm pháp luật Ngân hàng:

- Pháp lệnh do UBTVQH ban hành.

- VB Pháp luật do chính phủ ban hành.

- VB Pháp luật do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, VB Pháp luật liên bộ ban hành.

### **Câu hỏi:**

1. Vai trò của ngân hàng trong nền kinh tế thị trường hiện nay?
2. Vì sao có sự phân tách giữa luật tài chính và luật Ngân hàng?



## **CHƯƠNG 2: ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

### **I. Lịch sử hình thành, vị trí pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt nam.**

#### **1. Lịch sử hình thành**

Giữa thế kỷ XIX Pháp sang xâm lược độc chiếm nước ta, Ngân hàng đầu tiên xuất hiện ở Việt nam đó là Ngân hàng Đông Dương (1875). Điều này cho thấy kinh tế Việt Nam thời đó chưa có gì, giai cấp tư sản Việt Nam còn non yếu chưa có tiếng nói gì trong giới tài chính.

Việt Nam sau cánh mạng tháng 8 thành công do chính quyền còn non yếu nên không quốc hữu hóa được Ngân hàng Đông Dương. Lúc này ngân sách còn 1.250.000 đồng tiền Đông Dương.

Ngày 31/01/1946 Hồ chí Minh ký sắc lệnh số 18/SL phát hành giấy bạc Việt Nam (có giá trị lưu hành từ vĩ tuyến 16 đến Nha Trang). Ngày 23/11/1946 Quốc hội khóa I kỳ họp thứ 2 đã quyết định phát hành giấy bạc lưu hành trong cả nước. Đồng tiền đó gọi là đồng tiền tài chính (tiền cụ Hồ), khi này cho lưu hành hai loại đồng tiền trên lãnh thổ Việt Nam.

Đến năm 1950 đồng tiền tài chính mất giá trầm trọng. Ngày 06/05/1951 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 15/SL thành lập Ngân hàng quốc gia Việt Nam với tư cách là Ngân hàng trung ương Việt Nam và sắc lệnh số 17/SL quy định “mọi công việc của Nha Ngân Khố Quốc Gia và Nha Tín Dụng Sản Xuất giao cho Ngân hàng Quốc gia phụ trách. Như vậy ngay từ khi thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam đã thực hiện hai chức năng khác nhau đó là Ngân khố và Ngân hàng. Ngân hàng Quốc gia Việt Nam sau đó đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được tổ chức thành hệ thống thống nhất từ trung ương đến quận, huyện do Nhà nước độc quyền sở hữu và quản trị. Bên cạnh đó có Ngân hàng chuyên nghiệp và quỹ tiết kiệm XHCN. Hệ thống này tồn tại cho đến ngày miền nam giải phóng nó thay thế hệ thống Ngân hàng Sài gòn củ cho đến năm 1988.

#### **2. Vị trí pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt nam.**

Tháng 8/1945 nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời nhưng mãi đến năm 1951 mới thành lập được Ngân hàng đầu tiên của Nhà nước Việt Nam trong sắc lệnh số 15/SL không trực tiếp quy định vị trí pháp lý của Ngân hàng quốc gia nhưng có đề cập Tổng giám đốc là người lãnh đạo Ngân hàng quốc gia có danh vị như Bộ trưởng.

Ngày 26/10/1961 Hội đồng Chính Phủ ban hành Nghị định 171/CP về tổ chức và hoạt động Ngân hàng nhằm đáp ứng việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), Ngân hàng quốc gia đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

So với sắc lệnh số 15/SL vị trí pháp lý của Ngân hàng Nhà nước được quy định rõ ràng hơn:

- Ngân hàng Nhà nước là cơ quan của Hội Đồng Chính Phủ.
- Mặt khác, theo Nghị định này Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ chủ yếu là phục vụ cho hoạt động của mậu dịch quốc doanh, xí nghiệp quốc doanh. Chính vì vậy, Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền quản lý Nhà nước với hoạt động của các xí nghiệp và các tổ chức kinh tế.

Nghị định số 63/NĐ - CP ngày 16/06/1977 quy định cơ cấu tổ chức và bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là một cơ quan ngang bộ thuộc hệ thống Chính phủ có trách nhiệm thống nhất quản lý công tác phát hành tiền, quản lý tiền mặt và điều hòa lưu thông tiền tệ, quản lý tín dụng, thanh toán trong ngoài nước, quản lý ngoại hối, quỹ Ngân sách Nhà nước.

Thời kỳ này Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với vị trí pháp lý vừa là cơ quan của Chính phủ, vừa là tư cách của Ngân hàng Trung ương vừa là Ngân hàng trung gian.

Ngày 09/10/1987 Chính phủ ra quyết định số 172 quy định chức năng nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan trong bộ máy quản lý Nhà nước, là một tổ chức hạch toán kinh tế chuyên ngành, thực hiện hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, là hệ thống Ngân hàng cấp một.

Ngày 26/03/1988 Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành nghị định số 53/HĐBT về tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chuyển sang hệ thống Ngân hàng hai cấp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tiền tệ.

Ngày 23/05/1990 Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng, Công ty tài chính. Trong văn bản này xác định rõ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng và là cơ quan duy nhất phát hành tiền. Ngân hàng Nhà nước thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và Ngân hàng trung ương của các Ngân hàng.

Ngày 12/12/1997 luật Ngân hàng Nhà nước và luật các Tổ chức tín dụng ra đời. Khẳng định địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của nước cộng hòa XHCN Việt Nam.

### 3. Tư cách pháp nhân của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Để xác định tư cách pháp nhân của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chúng ta cũng căn cứ trên 4 đặc trưng chung theo quy định tại điều 94 của Bộ luật dân sự, nếu không đảm bảo một trong 4 đặc trưng đó thì không có tư cách pháp nhân.

Thứ nhất, Ngân hàng Nhà nước thuộc sở hữu Nhà nước do Nhà nước thành lập. Như vậy xét về đặc trưng này thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thành lập hợp pháp.

Thứ hai, Ngân hàng Nhà nước có cơ cấu tổ chức chặt chẽ. Từ khi thành lập đến nay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tuy có sự thay đổi qua từng thời kỳ lịch sử nhưng được cơ cấu một cách chặt chẽ như sau:

Hệ thống tổ chức Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn từ 1951 đến 1987:

